

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp về điều kiện, hình thức tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của cơ sở huy động, tổ hợp công nghiệp quốc phòng và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan trong việc tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của cơ sở huy động, hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Làm chủ công nghệ* là việc tự phát triển, sở hữu, hoặc khả năng ứng dụng, điều khiển, chi phối theo ý của mình đối với các giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật để đưa vào sản phẩm dịch vụ nhằm tạo ra giá trị mới.

2. *Thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng* là các tổ chức tham gia vào tổ hợp công nghiệp quốc phòng, bao gồm cả hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng và các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. *Nền tảng sản phẩm* là một cấu trúc hình thành từ các phần chung (hệ thống con, modun, thành phần, ...) mang tính cốt lõi của một dòng sản phẩm, làm cơ sở phát triển các sản phẩm trong tương lai.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, HÌNH THỨC THAM GIA HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA CƠ SỞ HUY ĐỘNG

Điều 4. Điều kiện chung áp dụng đối với cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật; có cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh đối với lĩnh vực được huy động.

2. Có hệ thống tổ chức quản lý, kỹ thuật an toàn do người đứng đầu hoặc người có thẩm quyền của cơ sở chỉ đạo và phân công người có đủ trình độ, kinh nghiệm chịu trách nhiệm thực hiện công tác trong lĩnh vực hoạt động.

3. Đảm bảo bí mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Đối với cơ sở huy động là doanh nghiệp phải hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; không có vi phạm pháp luật hình sự trong sản xuất kinh doanh và trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh.

5. Có năng lực tài chính theo quy định của pháp luật bảo đảm khả năng thực hiện trong lĩnh vực được huy động.

Điều 5. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia nghiên cứu, sản xuất chi tiết, phụ tùng, vật tư, bán thành phẩm của sản phẩm quốc phòng, an ninh

1. Cơ sở huy động tham gia nghiên cứu, sản xuất chi tiết, phụ tùng, vật tư, bán thành phẩm của sản phẩm quốc phòng, an ninh phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp phải có tổng nguồn vốn của năm liền trước thời điểm đề nghị tham gia nghiên cứu, sản xuất chi tiết, phụ tùng, vật tư, bán thành phẩm của sản phẩm quốc phòng, an ninh tối thiểu từ 50 tỷ đồng trở lên;

b) Có khu vực sản xuất, khu vực phụ trợ, khu vực kiểm tra, đánh giá chất lượng, kho bảo quản được bố trí riêng biệt và thiết kế, xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường; đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật;

c) Có thiết bị, công nghệ, phương tiện để nghiên cứu, sản xuất phù hợp; có đủ phương tiện, thiết bị đo lường phù hợp để kiểm tra, giám sát các thông số kỹ thuật và phục vụ công tác kiểm tra chất lượng, nghiệm thu vật tư kỹ thuật, bán thành phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất;

d) Có tối thiểu 50 lao động kỹ thuật có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong lĩnh vực tham gia huy động;

d) Có hệ thống quản lý chất lượng đạt một trong những tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương quốc gia hoặc quốc tế;

e) Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Bản sao quyết định thành lập; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở huy động là doanh nghiệp;

b) Bản sao các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận về an ninh, trật tự; bản sao bản vẽ mặt bằng khu vực sản xuất, dây chuyền công nghệ, khu vực phụ trợ, khu vực kiểm tra, đánh giá chất lượng, kho bảo quản kèm theo bản sao văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; giấy chứng nhận kiểm định các thiết bị đo lường, thử nghiệm và các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế;

c) Danh mục trang thiết bị sản xuất, đo lường, kiểm tra, đánh giá chất lượng; giấy chứng nhận năng lực cơ sở đo lường (nếu có); bản sao giấy chứng nhận kiểm định các thiết bị đo lường, thử nghiệm và các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

d) Danh sách người quản lý, người lao động, người phục vụ trực tiếp nghiên cứu, sản xuất chi tiết, phụ tùng, vật tư, bán thành phẩm, sản phẩm quốc phòng, an ninh kèm theo bản sao các văn bằng chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

đ) Bản sao giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế;

e) Báo cáo tài chính trong 03 năm gần nhất; trong đó, có tối thiểu 01 năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

Điều 6. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Cơ sở huy động tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Có cơ sở hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh, phòng cháy, chữa cháy và bảo mật thông tin; khu vực nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thử nghiệm được bố trí riêng biệt theo quy chuẩn kỹ thuật;

b) Có đội ngũ chuyên gia hoặc nhà khoa học, kỹ sư có trình độ chuyên môn, phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần huy động, có kinh nghiệm và năng lực thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ;

c) Có năng lực thiết bị, công nghệ, phương tiện, trang thiết bị tiêu chuẩn đo lường đáp ứng các yêu cầu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ đối với lĩnh vực được huy động;

d) Có sản phẩm là kết quả của việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi hoặc bằng sáng chế, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được Hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu đánh giá ở mức “Đạt” trở lên và đề nghị áp dụng. Công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi phải thuộc danh mục theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Chi phí hoạt động nghiên cứu, ứng dụng hàng năm phải đạt ít nhất 01% tổng doanh thu hàng năm.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Bản sao quyết định thành lập; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở huy động là doanh nghiệp;

b) Danh sách và lý lịch khoa học kèm theo bản sao các văn bằng, chứng chỉ năng lực chuyên môn của đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, nhà khoa học trong lĩnh vực tham gia;

c) Danh mục trang thiết bị, phương tiện nghiên cứu, phương tiện đo lường, kiểm tra chất lượng; bản sao các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận năng lực đối với phòng thí nghiệm, thử nghiệm, cơ sở đo lường; chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế (nếu có);

d) Quy chế bảo mật thông tin, hệ thống bảo vệ, giám sát và kiểm soát truy cập đối với dữ liệu về công nghệ tham gia nghiên cứu, ứng dụng;

đ) Giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu đối với sản phẩm là kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ nền, công nghệ lõi hoặc bằng sáng chế hoặc Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu/Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ;

e) Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong 03 năm gần nhất.

Điều 7. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

1. Cơ sở huy động tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Có địa điểm hoạt động ổn định; có cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, thực hành đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, dạy nghề đối với lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;

b) Có chương trình, ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu đào tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh mà các cơ sở đào tạo trong Quân đội nhân dân,

Công an nhân dân chưa có hoặc trong điều kiện cấp bách mà năng lực của các cơ sở đào tạo trong Quân đội, Công an không đáp ứng được;

c) Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu phù hợp với ngành nghề cần đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Bản sao quyết định thành lập; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở huy động là doanh nghiệp;

b) Danh mục, năng lực cơ sở vật chất gồm giảng đường, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm huấn luyện thực hành, thí nghiệm kèm theo bản sao giấy chứng nhận năng lực phòng thí nghiệm, trung tâm đo lường, huấn luyện thực hành; bản sao các chứng chỉ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (nếu có);

c) Bản sao Giấy phép hoạt động phù hợp với lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh;

d) Bản sao chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo của đội ngũ giảng viên, giáo viên tham gia trực tiếp đào tạo;

đ) Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong 03 năm gần nhất.

Điều 8. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia cung cấp sản phẩm về quản trị doanh nghiệp

1. Cơ sở huy động tham gia cung cấp sản phẩm về quản trị doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Người quản lý, điều hành có bằng đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh hoặc công nghệ thông tin hay chuyên ngành kỹ thuật khác nhưng có chứng chỉ liên quan đến quản trị doanh nghiệp, có kinh nghiệm tối thiểu 05 năm trong xây dựng, vận hành hệ thống quản trị doanh nghiệp;

b) Đội ngũ lao động kỹ thuật có bằng đại học chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông, quản trị kinh doanh có kinh nghiệm và số lượng nhân sự đáp ứng được quy mô, yêu cầu của nhiệm vụ;

c) Có sản phẩm đã cung cấp cho các doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó hiện vẫn đang hoạt động và có quy mô sản xuất tương đương với các doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng, an ninh tại thời điểm tham gia cung cấp;

d) Đã áp dụng và có phương án an toàn thông tin phù hợp trong quá trình cung cấp vận hành hệ thống quản trị doanh nghiệp.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Danh sách quản lý kèm bản sao bằng đại học, chứng chỉ về chuyên ngành quản trị kinh doanh; tài liệu chứng minh kinh nghiệm trong xây dựng, vận hành hệ thống quản trị doanh nghiệp;

b) Danh sách đội ngũ lao động kỹ thuật kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn có liên quan;

c) Danh sách các tổ chức, doanh nghiệp đã được cơ sở cung cấp về dịch vụ quản trị doanh nghiệp có nêu rõ ngành nghề, quy mô, kèm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng;

d) Bản sao Thuyết minh về phương án an toàn thông tin;

d) Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong 03 năm gần nhất.

Điều 9. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia cung cấp dịch vụ về quản trị doanh nghiệp

1. Cơ sở huy động tham gia cung cấp dịch vụ về quản trị doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Có kinh nghiệm trong triển khai thực hiện hoặc cung cấp thành công dịch vụ quản trị cho các doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó có quy mô sản xuất tối thiểu bằng với quy mô sản xuất của doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ; hệ thống quản trị đã từng được áp dụng hoặc từng tư vấn phải tiên tiến, vượt trội so với hệ thống quản trị đang vận hành của doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ;

b) Đội ngũ chuyên gia có trình độ, chuyên môn phù hợp và có kinh nghiệm tối thiểu 05 năm trong lĩnh vực triển khai vận hành hoặc tư vấn, cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp; trong đó, đã tham gia tối thiểu 01 dự án về quản trị doanh nghiệp ở quy mô tương đương với quy mô của doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ. Hệ thống quản trị đã từng vận hành hoặc từng tư vấn phải tiên tiến, vượt trội hơn so với hệ thống quản trị đang vận hành của doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Bản sao Quyết định thành lập; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở huy động là doanh nghiệp;

b) Báo cáo tóm tắt các dự án mà cơ sở đã từng tham gia cung cấp hoặc hệ thống quản trị đã từng triển khai vận hành;

c) Danh sách chuyên gia kèm theo bản tóm tắt lý lịch khoa học, bản tóm tắt về các dự án cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp đã tham gia;

d) Thuyết minh về hệ thống quản trị doanh nghiệp dự kiến cung cấp và so sánh, thể hiện tính ưu việt với hệ thống doanh nghiệp được cung cấp đang vận hành.

Điều 10. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ về an toàn thông tin

1. Cơ sở huy động tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ về an toàn thông tin phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Có giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;

b) Đội ngũ quản lý điều hành, lao động kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu chuyên môn;

c) Có phương án kỹ thuật phù hợp với yêu cầu quy mô cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng;

d) Có kinh nghiệm tối thiểu 05 năm trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ về an toàn thông tin và đã cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp có quy mô tương đương;

đ) Đối với hoạt động cung cấp sản phẩm vật lý về an toàn thông tin, cơ sở huy động phải đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, phù hợp sản xuất sản phẩm bảo đảm an toàn thông tin.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng;

b) Danh sách quản lý, lao động kỹ thuật kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông;

c) Thuyết minh về phương án kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ về an toàn thông tin; phương án bảo mật thông tin;

d) Tài liệu chứng minh về kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ về an toàn thông tin;

đ) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này đối với cơ sở huy động tham gia sản xuất sản phẩm về an toàn thông tin;

e) Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong 03 năm gần nhất.

Điều 11. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán và cấp tín dụng

1. Cơ sở huy động tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán và cấp tín dụng phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Là Ngân hàng thương mại; có địa điểm trụ sở chính và mạng lưới hoạt động theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng;

b) Có cơ cấu tổ chức, quản lý chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu tham gia nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đội ngũ nhân sự chuyên trách có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thanh toán và cấp tín dụng; có kinh nghiệm tham gia phục vụ quốc phòng, an ninh;

c) Có hệ thống thông tin hoạt động an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật;

d) Được thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng, tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế theo quy định pháp luật.

đ) Có quy định nội bộ về lĩnh vực thanh toán, tín dụng liên quan đến tham gia công nghiệp quốc phòng đảm bảo an toàn, bí mật.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động trong đó có nội dung hoạt động cung

ứng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng; bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của trụ sở chính;

b) Báo cáo và gửi kèm các tài liệu về điều kiện để tham gia công nghiệp quốc phòng, an ninh bao gồm nội dung: Cơ cấu tổ chức quản lý, cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ thanh toán trong nước và quốc tế; số lượng nhân sự chuyên trách tham gia hoạt động thanh toán, cấp tín dụng kèm theo báo cáo trình độ chuyên môn; kinh nghiệm thực hiện thanh toán, cấp tín dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; cam kết đáp ứng điều kiện trong quá trình tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh;

c) Tài liệu chứng minh sự tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế;

d) Bản sao quy định nội bộ về thanh toán, cấp tín dụng tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh;

đ) Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong 03 năm gần nhất.

Điều 12. Điều kiện, hình thức cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia chuyển giao công nghệ cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt

1. Cơ sở huy động tham gia chuyển giao công nghệ cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Có quyền chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; công nghệ chuyển giao phải là một trong những công nghệ sau: công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ tiên tiến theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 Điều 2 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

b) Có đội ngũ chuyên gia hoặc nhà khoa học, kỹ sư có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng đối với công nghệ được chuyển giao; bản sao văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có); tài liệu giải trình về công nghệ, điều kiện sử dụng công nghệ, sự phù hợp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của công nghệ được chuyển giao; Tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm là kết quả ứng dụng công nghệ được chuyển giao;

b) Danh sách đội ngũ chuyên gia, kỹ sư và nhà khoa học kèm theo lý lịch khoa học; bản sao giấy tờ, tài liệu chứng minh về kinh nghiệm đối với dự án chuyển giao công nghệ đã thực hiện trong thời gian gần nhất;

c) Tài liệu giải trình về công nghệ, điều kiện sử dụng công nghệ, sự phù hợp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của công nghệ được chuyển giao; tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm là kết quả ứng dụng công nghệ được chuyển giao.

Điều 13. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia sản xuất các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh thông qua liên doanh, liên kết với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt

1. Cơ sở huy động tham gia sản xuất các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh thông qua liên doanh, liên kết với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Có cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị có khả năng tham gia được một phần hoặc toàn bộ khâu sản xuất tạo ra sản phẩm, bán thành phẩm quốc phòng;

b) Được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương việc thực hiện liên doanh, liên kết với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt; Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt việc thực hiện liên doanh, liên kết với cơ sở an ninh nông cốt.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia gồm có:

a) Danh mục cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị;

b) Phương án liên doanh, liên kết sản xuất các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh;

c) Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong 03 năm gần nhất.

Điều 14. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia cung ứng vật tư cho sản xuất quốc phòng, an ninh

1. Cơ sở huy động tham gia cung ứng vật tư cho sản xuất quốc phòng, an ninh phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Vật tư tham gia cung ứng là các loại vật tư kỹ thuật đặc thù cho sản xuất quốc phòng mà trong nước không sản xuất được, vật tư thuộc danh mục dự trữ cho sản xuất quốc phòng.

b) Đáp ứng tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Điều 5 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia theo quy định về pháp luật Đấu thầu.

Điều 15. Điều kiện cụ thể đối với cơ sở huy động tham gia dự trữ, bảo quản vật tư cho sản xuất quốc phòng, an ninh

1. Cơ sở huy động tham gia cung ứng dự trữ, bảo quản vật tư cho sản xuất quốc phòng, an ninh phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và các điều kiện sau:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được giao chức năng dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;

b) Có kho cất trữ phải phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ theo tiêu chuẩn kho của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Kho phải được trang bị đa phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết cho việc bảo đảm chất

lượng vật tư, quan sát, giám sát, phòng, chống thiên tai, phòng chống cháy nổ, hư hỏng, mất mát và các yếu tố khác gây thiệt hại đến vật tư; đảm bảo an toàn, bí mật theo quy định của pháp luật;

c) Có đội ngũ nhân viên kỹ thuật được đào tạo với chuyên ngành phù hợp để thực hiện công tác cất trữ, bảo quản kho. Có lực lượng bảo vệ đảm bảo an ninh, an toàn kho trong suốt thời gian dự trữ.

2. Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện tham gia:

a) Quyết định của cấp thẩm quyền giao chức năng dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;

b) Bản vẽ mặt bằng kho theo tiêu chuẩn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; danh mục trang thiết bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ việc bảo đảm chất lượng vật tư, quan sát, giám sát, phòng, chống thiên tai, phòng chống cháy nổ;

c) Danh sách đội ngũ nhân viên kỹ thuật kèm chứng chỉ đào tạo về quản lý kho, an ninh, an toàn; lực lượng bảo vệ và phương án bảo vệ an ninh an toàn;

d) Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong 03 năm gần nhất.

Điều 16. Trình tự tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của cơ sở huy động

1. Trình tự tham gia đối với lĩnh vực quy định tại các Điều 5, 6, 12, và 13 Nghị định này thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh nêu các điều kiện tương ứng với từng lĩnh vực khi tham gia huy động được quy định tại khoản 1 các điều 5, 6, 12, và 13 Nghị định này vào hồ sơ yêu cầu gửi đến tổ chức, doanh nghiệp;

b) Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh có văn bản đề nghị, kèm theo các văn bản chứng minh năng lực, điều kiện tham gia theo quy định tương ứng tại khoản 2 các Điều 5, 6, 12, và 13 Nghị định này gửi đến cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mời thầu để thẩm tra, đánh giá;

c) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định tại điểm a khoản này thực hiện thẩm tra, đánh giá việc đáp ứng đủ các điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng của tổ chức, doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày mở thầu. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện tham gia thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia thì tiếp tục thực hiện các bước lựa chọn nhà thầu theo quy định.

2. Trình tự tham gia đối với lĩnh vực quy định tại Điều 7 Nghị định này thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh khi có nhu cầu đào tạo nhân lực đối với các ngành nghề mà các tổ chức trong Quân đội, Công an không có năng lực đào tạo, gửi thông báo đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và các điều kiện tham gia được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này đến các tổ chức, doanh nghiệp;

b) Tổ chức, doanh nghiệp được thông báo có văn bản đề nghị kèm theo các tài liệu chứng minh đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 đến cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có nhu cầu đào tạo để thẩm tra, đánh giá;

c) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định tại điểm a khoản này thực hiện thẩm tra, đánh giá việc đáp ứng đủ các điều kiện tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện tham gia thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp tổ chức doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia thì tiếp tục thực hiện các bước đàm phán ký hợp đồng đặt hàng.

3. Trình tự tham gia đối với lĩnh vực quy định tại Điều 8, 9, 10, và 14 Nghị định này thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh khi có nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ về quản trị doanh nghiệp, an toàn thông tin, công nghệ cao gửi thông báo nhu cầu và các điều kiện tham gia được quy định tương ứng tại khoản 1 các Điều 8, 9, 10, và 14 Nghị định này đến tổ chức, doanh nghiệp;

b) Tổ chức, doanh nghiệp được thông báo có văn bản đề nghị, kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực, điều kiện tham gia theo quy định tương ứng tại khoản 2 các Điều 8, 9, 10, và 14 Nghị định này, gửi đến cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có thông báo đặt hàng;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định tại điểm a khoản này thực hiện thẩm tra, đánh giá việc đáp ứng đủ các điều kiện tham gia của tổ chức, doanh nghiệp. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện tham gia thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp tổ chức doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia thì tiếp tục thực hiện các bước đàm phán ký hợp đồng đặt hàng.

4. Trình tự tham gia đối với lĩnh vực quy định tại Điều 11 Nghị định này thực hiện như sau:

a) Ngân hàng thương mại đáp ứng các điều kiện và có nhu cầu tham gia thực hiện lĩnh vực thanh toán và tín dụng cho hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh gửi văn bản đề nghị tham gia, kèm theo các tài liệu chứng minh đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này về Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, đánh giá việc đáp ứng đủ các điều

kiện tham gia của cơ sở huy động theo quy định tại Điều 4, Điều 11 Nghị định này. Căn cứ yêu cầu thực hiện và yêu cầu quản lý đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ra quyết định giao nhiệm vụ cho cơ sở huy động đủ điều kiện tham gia. Trường hợp không đủ điều kiện phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

c) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và cơ sở huy động căn cứ quyết định giao nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ký kết và thực hiện hợp đồng thanh toán, cấp tín dụng phục vụ hoạt động công nghiệp quốc phòng.

Chương III

TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

MỤC 1

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Điều 17. Chức năng, nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật; sản xuất vật tư kỹ thuật và các sản phẩm, dịch vụ phục vụ sản xuất quốc phòng; trong đó làm chủ ít nhất một loại vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược.

2. Có nhiệm vụ làm chủ công nghệ nền, công nghệ lõi, công nghệ lưỡng dụng, chuyển giao, tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại phục vụ phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp lưỡng dụng, phát triển công nghiệp quốc gia, đạt mức làm chủ công nghệ như sau:

a) Làm chủ ở mức ứng dụng công nghệ: Tổ hợp công nghiệp quốc phòng có nhiệm vụ hiểu toàn bộ quá trình sáng tạo ra công nghệ đến mức có thể cải tiến hoặc tùy chỉnh công nghệ theo yêu cầu;

b) Làm chủ ở mức đổi mới công nghệ: Tổ hợp công nghiệp quốc phòng có nhiệm vụ cải tiến, đổi mới, nâng cấp, tạo ra các giá trị mới trên công nghệ hiện có;

c) Làm chủ ở mức sáng tạo ra công nghệ: Tổ hợp công nghiệp quốc phòng có nhiệm vụ tạo ra công nghệ hoàn toàn mới.

3. Huy động tối đa nguồn lực của Nhà nước và của các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng, đảm bảo năng lực nghiên cứu, sản xuất trong các tình huống, gồm:

a) Huy động nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước;

b) Huy động nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, các tổ chức tài chính, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế;

c) Tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Huy động cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, giám định, kiểm định chất lượng, sản xuất;

đ) Huy động các nguồn lực hợp pháp khác để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

4. Nghiên cứu, sản xuất sản phẩm phục vụ dân sinh, chuyển giao công nghệ phù hợp cho công nghiệp dân sinh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước gia tăng giá trị sản xuất sản phẩm phục vụ dân sinh.

5. Đổi mới công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng, tham gia chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và xuất khẩu sản phẩm quốc phòng.

6. Bộ Quốc phòng xây dựng, ban hành chiến lược phát triển tổ hợp công nghiệp quốc phòng, giao nhiệm vụ, kế hoạch dài hạn sản xuất quốc phòng và quản lý việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng thông qua hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Điều 18. Chính sách thúc đẩy liên doanh, liên kết giữa các thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Đối tượng:

- a) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
- b) Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Nội dung:

a) Ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, chiến thuật trong lĩnh vực quân sự đối với các sản phẩm của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

b) Hỗ trợ cung cấp dữ liệu của các doanh nghiệp để xây dựng hệ thống chung của tổ hợp công nghiệp quốc phòng:

Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp dữ liệu;

Các Bộ, ngành theo chức năng quản lý có trách nhiệm hỗ trợ cung cấp thông tin, dữ liệu của các doanh nghiệp tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

c) Hỗ trợ phát triển nền tảng sản phẩm của các doanh nghiệp tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

d) Tạo điều kiện tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hoạt động đối ngoại quốc phòng; chương trình đào tạo; chương trình khảo sát; hoạt động triển lãm giới thiệu công nghệ trong và ngoài nước liên quan đến nhóm, chuyên ngành sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

đ) Ưu tiên, khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các thành phần trong và ngoài quân đội của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

e) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng được phép đặt hàng hoặc chỉ định thầu đối với các thành phần khác tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Giá quyết toán hợp đồng dựa trên phương pháp chi phí với mức tỷ suất lợi nhuận đảm bảo thu hút được các thành phần tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

g) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng xây dựng quy chế để ghi nhận sự tham gia đóng góp của các thành phần tham gia phát triển tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

h) Thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng được liên doanh, liên kết để với nhau để hình thành pháp nhân.

3. Kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước:

a) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện các chính sách quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do Bộ, Cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

Điều 19. Chính sách khuyến khích xây dựng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia để nghiên cứu, phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ chế tạo, sản xuất hệ thống vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược

1. Đối tượng hỗ trợ:

- a) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
- b) Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Bộ Quốc phòng ưu tiên xây dựng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi để chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để triển khai chương trình khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản này;

c) Bộ Quốc phòng ưu tiên giao nhiệm vụ, đặt hàng phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi thuộc chương trình khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản này phù hợp với nhóm, chuyên ngành sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

d) Sau khi nhận nhiệm vụ, hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ đến các thành viên khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng để thực hiện.

3. Kinh phí hỗ trợ: Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí thực hiện các chính sách quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Chính sách ưu tiên nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

1. Đối tượng hỗ trợ:

- a) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
- b) Các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Nội dung hỗ trợ:

- a) Tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và quản lý doanh nghiệp;
- b) Tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ;
- c) Nhà nước phát triển một số phần mềm, ứng dụng cho sản xuất, kinh doanh để các thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng dùng chung và không thu tiền;
- d) Xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ dùng chung cho các thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
- đ) Thực hiện chương trình, dự án nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược.

3. Kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước:

- a) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện các chính sách quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do Bộ, Cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

Điều 21. Chính sách phát triển hạ tầng cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Đối tượng hỗ trợ:

- a) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
- b) Các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Nội dung hỗ trợ: Đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ và tiêu thụ các sản phẩm do tổ hợp công nghiệp quốc phòng sản xuất thông qua hoạt động đầu tư cho hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Nguồn hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước; Quỹ Công nghiệp quốc phòng, an ninh; nguồn vốn huy động, tài trợ hợp pháp từ cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước.

Điều 22. Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng hoặc thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng trực tiếp phục vụ các nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có nhu cầu nâng cao trình độ để thực hiện nhiệm vụ của tổ hợp;

b) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng có liên quan đến nội dung tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

c) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng, các cơ sở đào tạo là thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ kinh phí biên soạn, xây dựng, phát hành chương trình, giáo trình, tài liệu hướng dẫn phục vụ nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng, đặc biệt là tài liệu, giáo trình về vũ khí trang bị có ý nghĩa chiến lược;

b) Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định pháp luật có liên quan để nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ;

c) Hỗ trợ xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

d) Hỗ trợ chi phí đi lại, ăn ở cho cán bộ, người lao động thuộc các thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ trong nước.

đ) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chương trình giáo dục, đào tạo về khoa học kỹ thuật, công nghệ có liên quan đến lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh.

3. Kinh phí hỗ trợ:

a) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện các chính sách quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do Bộ, Cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

Điều 23. Tiêu chí hướng chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng được áp dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Thuộc danh sách thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt;

b) Đang thực hiện nhiệm vụ hoặc đã được phân công nhiệm vụ theo kế hoạch của tổ hợp công nghiệp quốc phòng tại thời điểm xem xét áp dụng chính sách hỗ trợ.

2. Nội dung đề xuất hỗ trợ phải phù hợp với nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng và nhiệm vụ mà thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng thực hiện.

3. Sau khi kết thúc nhiệm vụ hoặc không còn thực hiện nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng, hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng rà soát, đề xuất dừng áp dụng các chính sách hỗ trợ đối với các thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng không còn nhiệm vụ trong tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Điều 24. Quy trình hỗ trợ

1. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng lập kế hoạch, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Sau khi tổng hợp nhu cầu của các thành viên tổ hợp công nghiệp quốc phòng, hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng thẩm định, đánh giá, bổ sung, hoàn chỉnh và gửi hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ đến Cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng để tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ trong đó có cam kết không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 8 Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và cam kết về mục đích của việc nhận hỗ trợ nhằm thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng giao cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

b) Tài liệu, hồ sơ chứng minh sự phù hợp của các nội dung yêu cầu hỗ trợ với các nhiệm vụ được giao của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

c) Bản tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các thành viên tổ hợp kèm theo đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ của các thành viên tổ hợp (nếu có);

d) Dự thảo nội dung xin ý kiến các cơ quan trong trường hợp các nội dung đề xuất hỗ trợ không thuộc chức năng, thẩm quyền của Bộ Quốc phòng (nếu có).

3. Nộp hồ sơ: Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng nộp trực tiếp đến cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng. Khi nhận được hồ sơ, đăng ký nhu cầu hỗ trợ, cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng kiểm tra hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, trường hợp đầy đủ thành phần hồ sơ, cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng tiếp nhận và thông báo việc tiếp nhận hồ sơ bằng văn bản đến hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng yêu cầu hạt nhân tổ hợp bổ sung hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc.

4. Bộ Quốc phòng căn cứ trên đề xuất của hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng xem xét, thực hiện trực tiếp việc hỗ trợ cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng theo thẩm quyền trong trường hợp có khả năng và nguồn lực hỗ trợ. Trường hợp các nội dung yêu cầu hỗ trợ thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị khác, Bộ Quốc phòng cung cấp cho các cơ quan, đơn vị có khả năng, thẩm quyền hỗ trợ các thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

MỤC 2

HẠT NHÂN TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Điều 25. Điều kiện cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt có doanh thu hằng năm đạt trên 3.000 tỷ đồng trong vòng 03 năm liên tiếp tính tới thời điểm nộp hồ sơ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế.

2. Tỷ lệ tổng chi cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 03% giá trị tổng doanh thu trừ đi giá trị đầu vào hằng năm.

3. Có hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng đầy đủ yêu cầu gồm:

a) Có đơn vị nghiên cứu phát triển trong cơ cấu tổ chức của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt;

b) Hệ thống dây chuyền, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất hoặc hoàn chỉnh ít nhất 01 loại vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược.

4. Có nhân lực đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành, nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược gồm:

a) Tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trên tổng số lao động thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu phát triển phải đạt 50% trở lên;

b) Tỷ lệ lao động có học vị tiến sĩ trên tổng số lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt 5% trở lên và không ít hơn 10 người.

5. Đã làm chủ ít nhất một sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược được đưa vào trang bị. Đã làm chủ các công nghệ nền, công nghệ lõi để đảm

bảo tỷ lệ nội địa hoá tối thiểu 30% đối với vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược và 50% đối với vũ khí trang bị kỹ thuật khác.

6. Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định từ khoản 1 đến khoản 5 điều này. Trường hợp, các cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt không phải là doanh nghiệp, Bộ Quốc phòng đánh giá năng lực của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Điều 26. Quyền hạn và trình tự, thủ tục quyết định cơ sở công nghiệp quốc phòng là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Trình tự, thủ tục quyết định cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng như sau:

a) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định này xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng theo quy định tại Điều 27 Nghị định này. Gửi 05 bộ hồ sơ đề nghị đến cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng;

b) Cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng thẩm định các nội dung hồ sơ và tổ chức đánh giá năng lực của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt trong thời gian không quá 60 ngày. Nếu cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định này, cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Trường hợp không đủ điều kiện là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng, cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không đủ điều kiện trở thành hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

c) Trên cơ sở báo cáo của cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt có hay không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định này. Hội đồng thẩm định có từ 07 - 09 thành viên, gồm: 01 Thủ trưởng Bộ Quốc phòng làm Chủ tịch Hội đồng, đại diện Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và Đầu tư/Bộ Quốc phòng, Cục Khoa học và Công nghệ/Bộ Quốc phòng, Cục Quân lực/Bộ Tổng tham mưu;

d) Hội đồng thẩm định, đánh giá cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt theo quy định tại Điều 25 Nghị định này;

đ) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt được đánh giá đủ tiêu chuẩn trở thành hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại Điều 25 Nghị định này và được tất cả các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá "Đạt". Trên cơ sở đánh giá kết quả "Đạt" của Hội đồng thẩm định, Bộ trưởng Bộ

Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng; Trường hợp cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trở thành hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng chỉ rõ các nội dung chưa đáp ứng tiêu chuẩn gửi cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt đề nghị công nhận và cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng.

e) Bộ Quốc phòng hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 27 Nghị định này, kèm theo báo cáo của Hội đồng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Hủy công nhận, công nhận mới hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

a) Trường hợp có thay đổi về tổ chức hoặc cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân không còn đủ khả năng thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định hủy công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

b) Trường hợp tiếp tục duy trì hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đề xuất cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng đồng thời với đề nghị hủy công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng quy định tại điểm a khoản này;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc hủy công nhận và công nhận mới hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

d) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt không còn là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm bàn giao các tài sản, nhiệm vụ đang thực hiện của tổ hợp cho hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng mới; việc bàn giao phải có sự giám sát của cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng và đại diện Bộ Quốc phòng. Thành phần hồ sơ, các nội dung bàn giao do Bộ Quốc phòng quyết định.

đ) Hạt nhân mới của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm tiếp tục triển khai các nhiệm vụ duy trì hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Điều 27. Hồ sơ đề nghị công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

Hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng gồm:

1. Đơn đề nghị công nhận là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng theo Phụ lục số II của Nghị định này.

2. Tên, loại hình, địa chỉ, phạm vi địa lí, ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt; các sản phẩm, dịch vụ và nhiệm vụ quốc phòng, do Bộ Quốc phòng hoặc công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quyền quản lý Bộ Quốc phòng hoặc các cơ quan chức năng, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng giao hoặc đặt hàng doanh nghiệp thực hiện trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

3. Báo cáo thực trạng hoạt động của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị công nhận; thực trạng, năng lực

làm chủ thiết kế, công nghệ cao, công nghệ lõi; thực trạng, năng lực dây chuyền công nghệ, năng lực sản xuất quốc phòng; tổng số và chất lượng, trình độ lao động bậc đại học, cao đẳng, bậc thợ; thông tin về diện tích đất quốc phòng được giao quản lí, sử dụng; cung cấp số liệu về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế, nộp ngân sách, tổng số nợ phải trả.

4. Báo cáo về tình hình sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng do Bộ Quốc phòng hoặc công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quyền quản lí của Bộ Quốc phòng, giao doanh nghiệp thực hiện trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

5. Mục tiêu, kế hoạch phát triển của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt trong 05 năm tiếp theo tính từ thời điểm đề nghị công nhận.

6. Tài liệu chứng minh năng lực làm chủ thiết kế, công nghệ cao, công nghệ lõi sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược; năng lực quản lí và hoạt động sản xuất quốc phòng; tài liệu chứng minh khả năng liên doanh, liên kết với các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng và khả năng liên kết, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

7. Những nội dung khác liên quan đến xét duyệt, công nhận cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng; các tài liệu liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng do Bộ Quốc phòng hoặc công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quyền quản lí của Bộ Quốc phòng hoặc các cơ quan chức năng, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng doanh nghiệp thực hiện trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

Điều 28. Chính sách đối với hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng được hưởng chính sách của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược quy định tại Điều 63 Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và các chính sách sau:

1. Chủ trì thực hiện chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật theo chuyên ngành sản phẩm được Nhà nước giao; tự chủ điều phối trong nghiên cứu, sản xuất, huy động nguồn lực của các thành phần tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 10 năm về nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược được giao hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng chủ trì thực hiện;

b) Bộ Quốc phòng phê duyệt chương trình 05 năm về nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật theo chuyên ngành sản phẩm để giao hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng chủ trì thực hiện;

c) Giao hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng chủ trì thực hiện Chương trình 10 năm về nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

d) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng được Nhà nước giao ngân sách để chủ trì thực hiện chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật; chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược;

đ) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng được xây dựng và phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật đối với sản phẩm giao nhiệm vụ cho các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;

e) Tự chủ tổ chức hoạt động, điều phối nguồn lực trong tổ hợp công nghiệp quốc phòng, đề xuất huy động nguồn lực quốc gia để đạt mục tiêu của chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật được Nhà nước giao chủ trì thực hiện;

g) Được tự chủ xây dựng cơ chế thu hút các thành phần tham gia tổ hợp.

h) Tự chủ trong thỏa thuận mua bán, huy động nguồn lực của các thành phần tổ hợp công nghiệp quốc phòng trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng.

2. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ chương trình nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng.

a) Hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ chương trình nghiên cứu, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng;

b) Hỗ trợ đến 100% tổng kinh phí nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền phục vụ chương trình nghiên cứu, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng.

3. Sử dụng một phần từ Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp để hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng được sử dụng tối đa 30% Quỹ phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm nền tảng; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống; mua bán và sáp nhập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư vào tìm kiếm, giải mã công nghệ; đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các hoạt động thương mại hóa công nghệ khác;

b) Trong trường hợp Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không đảm bảo ngân sách đầu tư, hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng được sử dụng tối đa 2% Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp để thực hiện đầu tư vào các hoạt động quy định tại điểm a khoản này.

4. Sử dụng cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư để phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Được sử dụng cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư để phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong quá trình nghiên cứu, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược;

b) Các đơn vị quản lý cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư có trách nhiệm sắp xếp, tạo điều kiện cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng được sử dụng cơ sở hạ tầng do mình quản lý;

c) Kinh phí thuê cơ sở hạ tầng được dự toán vào dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược.

Điều 29. Trách nhiệm của hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Lập danh sách thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng:

a) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng chịu trách nhiệm về xây dựng tiêu chí thành phần khác tổ hợp công nghiệp quốc phòng đánh giá, thẩm định và lập danh sách các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng theo quy định tại Điều 31 Nghị định này;

b) Danh sách thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có các nội dung sau: Tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ (nếu có) của các tổ chức liên doanh, liên kết với hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Danh sách phải được người đại diện pháp luật của hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng ký và có ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng;

c) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng hoàn chỉnh danh sách theo Phụ lục số II của Nghị định này; trình Bộ Quốc phòng phê duyệt;

2. Tổ chức điều phối, chủ trì hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng:

a) Đề xuất, xây dựng chương trình, đề án, dự án nghiên cứu chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, trình Bộ Quốc phòng theo kế hoạch 05 năm và dài hạn;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch sản xuất quốc phòng theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng, đấu thầu; xác định công nghệ, dây chuyền công nghệ chính; phân công nhiệm vụ cho các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng phù hợp với chuyên ngành, năng lực của từng tổ chức;

c) Thực hiện chức năng điều phối hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng thông qua hình thức ký hợp đồng, liên doanh, liên kết với cơ sở huy động là thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng; Ưu tiên đặt hàng, ký hợp đồng, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp thuộc danh sách thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

- d) Chủ trì mở rộng năng lực sản xuất đáp ứng nhiệm vụ được giao; mua sắm, chuẩn bị các yếu tố bảo đảm để tổ chức sản xuất sản phẩm quốc phòng được giao;
- đ) Chủ trì tổ chức nghiên cứu, thiết kế công nghệ, thiết kế sản phẩm quốc phòng;
- e) Chủ trì tổ chức chế tạo, sản xuất, thử nghiệm, hoàn chỉnh các sản phẩm thành phần và sản phẩm tổng lắp theo các chỉ tiêu quy định;
- g) Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện sản xuất sản phẩm quốc phòng của các thành phần tổ hợp công nghiệp quốc phòng; đảm bảo kế hoạch sản xuất gồm tiến độ, số lượng, chất lượng các sản phẩm được giao;
- h) Tổ chức nghiệm thu sản phẩm của thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
- i) Chủ trì, phối hợp với các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng triển khai các chương trình, dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Hoàn chỉnh và chịu trách nhiệm về chất lượng gồm: Các chỉ tiêu chiến thuật, kỹ thuật và công nghệ; số lượng sản phẩm quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

4. Bảo đảm bí mật nhà nước, an ninh và an toàn về người, cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, sản phẩm quốc phòng trong quá trình ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết với các thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc, hợp tác với các đối tác trong nước, quốc tế và trong quá trình sản xuất quốc phòng.

5. Xây dựng, ban hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng; phát hiện vướng mắc, kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh quy chế.

6. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp quốc phòng về cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về các nội dung trên.

MỤC 3

THÀNH PHẦN KHÁC CỦA TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Điều 30. Các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng gồm:

1. Các cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt không phải là hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
2. Các cơ sở công nghiệp động viên tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng;
3. Các tổ chức khoa học, công nghệ, cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;
4. Các cơ sở huy động khác tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Điều 31. Điều kiện trở thành thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Là tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định tại Chương II của Nghị định này.
2. Có đơn tự nguyện tham gia tổ hợp công nghiệp quốc phòng.
3. Cam kết tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, quy định, cơ chế hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng về kết quả hoạt động, sản phẩm theo hợp đồng ký kết hoặc nhiệm vụ được giao, đặt hàng.
4. Hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng; có đủ năng lực để ký kết hợp đồng, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước liên quan (trong trường hợp thành phần khác của tổ hợp là pháp nhân nước ngoài); được hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng thẩm định, đánh giá, lập danh sách đề nghị.

Điều 32. Công nhận thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện trở thành thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng thống nhất, ký hợp đồng, thỏa thuận với hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng để tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.
2. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng chịu trách nhiệm đánh giá các tổ chức, doanh nghiệp có đủ điều kiện, năng lực trở thành thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Tổ chức, doanh nghiệp được công nhận là thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng khi thuộc danh sách thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

Điều 33. Hoạt động của thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng thực hiện nhiệm vụ trong tổ hợp khi được giao nhiệm vụ, đặt hàng, ký hợp đồng từ hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng.
2. Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng phải ưu tiên thực hiện nhiệm vụ do hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng giao so với các hợp đồng kinh tế.
3. Trong trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm chuyển giao dây chuyền được Nhà nước đầu tư cho hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng quản lý.

Điều 34. Bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của thành viên tổ hợp công nghiệp quốc phòng

Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ được giao, trong trường hợp không thực hiện hoặc không hoàn thành nhiệm vụ tùy theo mức độ vi phạm xử lý như sau:

1. Bị tước tư cách thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng và xóa tên khỏi danh sách thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Phải chuyển giao lại toàn bộ các tài sản đã được Nhà nước hoặc hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng đầu tư để thực hiện nhiệm vụ.

3. Trong trường hợp thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có ý không thực hiện hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao, cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng tổng hợp, công khai thông tin về nội dung vi phạm.

4. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bị tước tư cách thành viên của tổ hợp công nghiệp quốc phòng, doanh nghiệp không được tham gia vào tổ hợp công nghiệp quốc phòng và không được bình xét các giải thưởng do Nhà nước tổ chức.

Trường hợp, sau khi bị tước tư cách thành viên của tổ hợp, nếu tổ chức đã khắc phục được thiệt hại, đảm bảo đủ các yếu tố để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất quốc phòng của tổ hợp công nghiệp quốc phòng và hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng có nhu cầu tiếp tục hợp tác; hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng rà soát, báo cáo cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Chương IV **XUẤT KHẨU SẢN PHẨM, DỊCH VỤ** **CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH**

Điều 35. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu

1. Vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định tại khoản 7, khoản 10 Điều 2 Luật Công nghiệp Quốc phòng an ninh và động viên công nghiệp.

2. Vật tư kỹ thuật theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Luật Công nghiệp quốc phòng an ninh và động viên công nghiệp.

3. Máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất.

4. Tài liệu kỹ thuật gồm tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ và các tài liệu tập hợp thông tin, dữ liệu về kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh.

5. Dịch vụ tư vấn cho các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm; xây dựng phòng thí nghiệm, dây chuyền sản xuất, cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu sản xuất và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất quốc phòng, an ninh.

6. Dịch vụ kỹ thuật bao gồm các dịch vụ liên quan đến việc cung cấp giải pháp kỹ thuật, nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, nâng cấp, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng, kiểm tra, đánh giá, lắp đặt, triển khai, bảo trì, bảo dưỡng sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh.

7. Quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ.

8. Các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh khác theo yêu cầu, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các chương trình, thỏa thuận hợp tác với Chính phủ và cơ quan quốc phòng, an ninh các nước.

9. Các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh sử dụng công nghệ lưỡng dụng xuất khẩu phục vụ mục đích dân sinh không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều này.

Điều 36. Yêu cầu trong xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh phải tuân thủ các quy định của pháp luật, cam kết của Việt Nam về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ và các thỏa thuận, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc cam kết tham gia.

2. Đối tác nước ngoài trước khi ký hợp đồng phải cung cấp được các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp hoặc đăng ký kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cấp; báo cáo tài chính 03 năm gần nhất; giấy chứng nhận người sử dụng cuối cùng do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi người sử dụng cuối cùng cấp; văn bản cam kết mục đích sử dụng.

3. Đối tác nước ngoài phải được thẩm định về lai lịch, chức năng, nhiệm vụ, năng lực bởi cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo phạm vi quản lý. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp xuất khẩu gửi văn bản đề nghị thẩm định đối tác, cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời về kết quả thẩm định thông tin về đối tác.

4. Đối tác nước ngoài không phải thực hiện thủ tục nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này bao gồm:

a) Đối tác nước ngoài được Chính phủ và cơ quan quốc phòng, an ninh các nước ủy quyền nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh của Việt Nam hoặc thực hiện các chương trình, thỏa thuận hợp tác với Chính phủ và Bộ Quốc phòng, Bộ Công an Việt Nam;

b) Đối tác nước ngoài đã nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh của Việt Nam trong vòng 01 năm tính từ thời điểm cấp phép xuất khẩu và chưa thay đổi về tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật.

Điều 37. Quy trình xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Xây dựng danh mục xuất khẩu.
2. Phê duyệt chủ trương xuất khẩu.
3. Đàm phán, ký kết hợp đồng với đối tác nước ngoài.
4. Thực hiện thủ tục cấp phép xuất khẩu, miễn thuế, thông quan.

Điều 38. Xây dựng danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì xây dựng danh mục vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt xuất khẩu theo giai đoạn 05 năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hằng năm rà soát và báo cáo đề xuất cập nhật danh mục trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ban hành danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 39. Phê duyệt chủ trương xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Căn cứ danh mục xuất khẩu được phê duyệt, năng lực của mình và nhu cầu của đối tác nước ngoài, doanh nghiệp xuất khẩu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý doanh nghiệp xuất khẩu gửi công văn báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương xuất khẩu.

2. Hồ sơ báo cáo đề nghị phê duyệt chủ trương xuất khẩu bao gồm:

a) Tờ trình của doanh nghiệp xuất khẩu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý doanh nghiệp xuất khẩu nêu rõ sản phẩm, dịch vụ xuất khẩu; số lượng xuất khẩu; đối tác nhập khẩu; người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

b) Kết quả thẩm định thông tin về đối tác nước ngoài của cơ quan chức năng.

3. Quy trình phê duyệt chủ trương xuất khẩu được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp xuất khẩu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý doanh nghiệp xuất khẩu gửi 01 hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương xuất khẩu đến cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an kiểm tra hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan liên quan;

c) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến tham gia thẩm định, các cơ quan cho ý kiến bằng văn bản gửi về cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trường hợp đặc biệt, cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định thời gian lấy ý kiến tham gia thẩm định ngắn hơn (nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc) hoặc dài hơn (nhưng không quá 15 ngày làm việc);

d) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản tham gia ý kiến thẩm định, cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổng hợp ý kiến tham gia, lập báo cáo thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, phê duyệt.

3. Trường hợp không phải thực hiện báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chủ trương xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh:

a) Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu theo yêu cầu, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và chương trình, thỏa thuận hợp tác với Chính phủ và cơ quan quốc phòng, an ninh các nước;

b) Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh đã xuất khẩu cho đối tác nước ngoài trong vòng 01 năm tính từ thời điểm cấp phép xuất khẩu mà đối tác nước ngoài chưa thay đổi về tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật và sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh đã được phép xuất khẩu.

Điều 40. Đàm phán, ký kết hợp đồng với đối tác nước ngoài

1. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương xuất khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu thương thảo, đàm phán, ký kết hợp đồng xuất khẩu với đối tác nước ngoài và triển khai thực hiện hợp đồng xuất khẩu đã ký kết. Trong trường hợp kết quả thương thảo, đàm phán khác với nội dung đã được phê duyệt, doanh nghiệp xuất khẩu tiến hành báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nội dung điều chỉnh trước khi ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện hợp đồng.

2. Hợp đồng chỉ có hiệu lực sau khi được cấp có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu.

3. Doanh nghiệp xuất khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu.

Điều 41. Thủ tục cấp phép xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu phải có giấy phép xuất khẩu do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an cấp theo phạm vi lĩnh vực quản lý. Hồ sơ đề nghị cấp phép, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp phép xuất khẩu của doanh nghiệp xuất khẩu gửi Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an theo phạm vi lĩnh vực quản lý;

b) Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đồng ý về chủ trương cho phép xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh;

c) Hợp đồng xuất khẩu với đối tác nước ngoài (bản sao của cơ quan có thẩm quyền; kèm theo bản dịch ra tiếng Việt);

d) Kết quả thẩm định thông tin về đối tác nước ngoài của cơ quan chức năng; giấy chứng nhận người sử dụng cuối cùng do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi người sử dụng cuối cùng cấp; văn bản cam kết mục đích sử dụng.

2. Quy trình cấp phép được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp xuất khẩu gửi 01 hồ sơ đề nghị cấp phép xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh đến cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an theo chức năng quản lý;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa đầy đủ, chưa đúng quy định hoặc cần bổ sung tài liệu giải trình, làm rõ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được

hồ sơ, cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời doanh nghiệp xuất khẩu yêu cầu bổ sung, làm rõ;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định, cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp phép xuất khẩu cho doanh nghiệp xuất khẩu hoặc có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối cấp phép.

d) Việc cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép, cấp lại giấy phép xuất khẩu do mất, thất lạc thực hiện theo nguyên tắc sau:

Doanh nghiệp xuất khẩu chỉ phải nộp các giấy tờ liên quan đến nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

Thời gian cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại không dài hơn thời gian cấp giấy phép xuất khẩu;

Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép, cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

e) Trong trường hợp hết thời hạn ghi trong giấy phép xuất khẩu nhưng việc xuất khẩu thực hiện chưa xong, doanh nghiệp xuất khẩu gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xuất khẩu đến cơ quan quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo phạm vi quản lý. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm: Công văn đề nghị của doanh nghiệp xuất khẩu; bản sao giấy phép đã được cấp.

Điều 42. Thực hiện miễn thuế sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu

1. Việc đề nghị miễn thuế xuất khẩu thực hiện đồng thời với việc đề nghị cấp phép xuất khẩu.

2. Cơ quan chức năng quản lý thương mại của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi văn bản đề nghị miễn thuế xuất khẩu gửi Tổng cục Hải quan để thực hiện miễn thuế đối với sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu.

Điều 43. Thông quan sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu

1. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu có yêu cầu bảo mật theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an được miễn khai hải quan và miễn kiểm tra thực tế. Quy trình đề nghị miễn khai hải quan và miễn kiểm tra thực tế, như sau:

a) Đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý doanh nghiệp xuất khẩu gửi văn bản đề nghị Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an theo phạm vi lĩnh vực quản lý xác nhận hàng hóa được miễn khai hải quan và miễn kiểm tra thực tế. Hồ sơ kèm theo được quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 41 Nghị định này;

b) Thời gian gửi văn bản đề nghị tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến thông quan hàng hóa tại cửa khẩu. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo lĩnh vực quản lý có văn bản gửi Tổng cục Hải quan xác nhận hàng hóa được miễn khai hải quan và miễn kiểm tra thực tế.

2. Đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được ưu tiên kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). XH203

Phạm Minh Chính

Phụ lục I - 1
(Ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025)

..... (1)
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHẦN CỦA TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Nhiệm vụ thực hiện
1				
2				
3				
4				
5				

Nơi nhận:
-

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HẠT NHÂN TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

Phụ lục I - 2

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025)

BỘ QUỐC PHÒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt danh sách thành phần tổ hợp công nghiệp quốc phòng**

Căn cứ Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp;

Theo đề nghị của Công ty - Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh sách thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng**

a) Chịu trách nhiệm duy trì, phát triển hệ thống các tổ chức, doanh nghiệp là thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với nhiệm vụ được giao;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên trách về tổ hợp công nghiệp quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Danh sách thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng khi có sự thay đổi.

2. Cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng theo dõi, báo cáo Bộ Quốc phòng về việc bảo đảm điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng của các thành phần tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp là thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng có trách nhiệm bảo đảm các bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng; hoàn thành các nhiệm vụ được giao; thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của Nghị định này và theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành. Không công bố và đưa lên các thông tin đại chúng.

Điều 4: Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng, cơ quan chuyên trách về công nghiệp quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

-

-

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025)

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công nhận hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng

Kính gửi: Bộ Quốc phòng;
..... (1)

1. Thông tin chung

Tên cơ sở công nghiệp quốc phòng đề nghị:

Trụ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax :

2. Đại diện cơ sở công nghiệp quốc phòng

Họ và tên:

Chức vụ:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:

Ngày cấp:

nơi cấp:

3. Lĩnh vực hoạt động

..... (2)

4. Các nhiệm vụ Quốc phòng được giao

..... (3)

5. Dự kiến tên, thành phần, lĩnh vực hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng

a) Tên tổ hợp:

b) Thống kê các thành phần tổ hợp:

c) Lĩnh vực hoạt động của tổ hợp:

5. Kính trình Bộ Quốc phòng và cơ quan bộ hồ sơ sau:

- Bản sao (được chứng thực) của các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền Bộ Quốc phòng.

- Bản thuyết minh cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định số/2025/NĐ-CP; kèm theo bản thuyết minh có bằng chứng chứng minh cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt đáp ứng điều kiện.

- Danh sách thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Thủ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

XÁC NHẬN
CỦA CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH VỀ
CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP
QUỐC PHÒNG NÔNG CỐT
(Ký tên-đóng dấu)